

SỰ DU NHẬP TƯ TƯỞNG LỄ VÀ LỄ TRỊ CỦA NHO GIÁO VÀO VIỆT NAM

Trần Thị Thủy¹, Hồ Ngọc Đăng²

Tóm tắt: Bài viết trình bày khái quát quá trình du nhập tư tưởng Lễ trị của Nho giáo vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến thời Lê sơ; trên cơ sở đó, cắt nghĩa nguyên nhân tại sao Nho giáo cùng với tư tưởng Lễ trị của Nho giáo lại có thể bén rễ, ăn sâu trong lòng xã hội phong kiến Việt Nam và để lại nhiều dấu ấn văn hóa trong đời sống tinh thần của người dân hiện nay.

Từ khóa: tư tưởng, lễ, lễ trị, Nho giáo, Nho giáo Việt Nam

1. MỞ ĐẦU

Nho giáo là một học thuyết chính trị – đạo đức do Khổng Tử sáng lập với chủ trương dùng đạo đức để cảm hóa con người nhằm thiết lập một xã hội có kỷ cương với ba nội dung cơ bản là Nhân, Lễ, Chính Danh. Trong đó, Lễ trị là cách thức chủ yếu và chặt chẽ nhất để thực hiện Đức trị. Từ thời nhà Hán đến cách mạng Tân Hợi (1911), Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng thống trị của xã hội Trung Quốc. Lễ đã du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc và được các triều đại phong kiến Việt Nam đã sử dụng trong đường lối trị nước. Việc sử dụng Lễ trị của học thuyết Nho giáo đã góp phần khôi phục, thống nhất và hưng thịnh xã hội phong kiến, đỉnh cao là Đại Việt dưới thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu là Quang Thuận và Hồng Đức (1460 – 1497).

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Sự du nhập của tư tưởng Lễ và Lễ trị ở thời Bắc thuộc

Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc được bắt đầu từ năm 179 TCN đến năm 938, kể từ khi Triệu Đà xâm lược Âu Lạc cho đến khi Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán. Đây là thời kỳ Nho giáo mới bắt đầu du nhập vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau, song chủ yếu theo hai con đường: *một là*, theo vó ngựa quân xâm lược của phong kiến phương Bắc; *hai là*, bằng con đường giao lưu văn hóa.

Ở con đường thứ nhất, nhằm mục đích xâm lược, nô dịch và thống trị nhân dân ta. Năm 111 TCN nhà Tây Hán đã chiếm được nước ta. Năm 23 nước ta bị nhà Đông Hán đô hộ. Hán Vũ Đế đưa người Trung Quốc sang ở lẫn với dân ta, cho dựng trường dạy tiếng Hán và dạy “lễ”, “nghĩa” theo nội dung của Nho gia. Nhà Hán đã tìm mọi cách để xóa bỏ nền văn hóa của dân tộc ta, xây dựng nền văn hóa nô dịch, du nhập Nho giáo vào

¹ Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

² Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh

nước ta để nhằm mục đích cai trị của chúng. Thế nên, Nho giáo được du nhập vào Việt Nam thời kỳ này không phải là hình thái Nho giáo trong tính chính thể vốn có của nó, mà là những tư tưởng Tam Cương, Ngũ Thường, Thiên Mệnh, tôn quân quyền với tất cả tính khắc nghiệt, gò bó của nó, nhằm mục đích cai trị nhân dân ta. Tư tưởng *Lễ* và *Lễ trị* của Nho giáo cũng được du nhập và nước ta bằng cách như vậy. Nhà nghiên cứu Hà Thúc Minh khẳng định: “*Lễ* giáo vốn là một thứ hàng ngoại lai. Nó vào Việt Nam theo sự thống trị của phong kiến ngoại bang đó là lẽ tất nhiên, nhưng ắt hẳn cũng đã đáp ứng được nhu cầu của giai cấp phong kiến bản xứ nên dần dần nó trở thành một thứ lễ giáo chính thống trong lịch sử” [1].

Ở con đường thứ hai, con đường giao lưu văn hóa, thì Nho giáo nói chung và tư tưởng *Lễ trị* của Nho giáo nói riêng cũng đã có sự ảnh hưởng nhất định đối với đời sống tinh thần của nhân dân ta. Trong suốt thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, có nhiều đoàn người từ Trung Quốc và cũng bởi những lý do khác nhau đã di cư vào Việt Nam. Trải qua một thời gian dài cộng cư và hòa huyết với người Việt thì những lối sống, cách đối nhân xử thế, nhiều phong tục tập quán mang đậm tính chất lễ giáo của Nho gia đã ảnh hưởng đến lối sống và phong tục tập quán của người Việt. Mặt khác, để truyền bá Nho giáo, các thế lực phong kiến đô hộ nước ta cũng thực hiện “dựng học liệu, dạy lễ nghĩa”, nên những lễ nghi, quy phạm đạo đức, và trật tự kỷ cương của Nho gia cũng vì thế được du nhập vào nước ta. Giai cấp thống trị người Hán đã mở hệ thống trường lớp, tổ chức dạy Nho giáo với mục đích đào tạo con em của chúng và một bộ phận người Việt ở tầng lớp trên nhằm biến họ thành công cụ tay sai, tham gia vào bộ máy thống trị của thế lực phong kiến đô hộ tại Việt Nam.

Khởi đầu cho công cuộc Hán hóa tại Việt Nam này phải kể tới vai trò của những con người cụ thể như Tích Quang: “Tích Quang cai trị Giao Chỉ <...>, chuyên tâm khai hóa nhân dân Việt về lễ nghĩa của Trung Hoa”[2] và Nhâm Diên, thái thú quận Cửu Chân. Các ông không chỉ dạy cho người dân cách cày cấy, làm ruộng, mà còn “giáo hóa” họ bằng lễ giáo Nho gia. Kể đến phải kể tới vai trò của Sĩ Nhiếp (còn gọi là Sĩ Vương), ông là người đầu tiên mở trường dạy chữ Nho cho người Việt tại Giao Châu, ông cũng đặc biệt quan tâm tới chính sách giáo dục, mở mang văn hóa Hán và truyền thụ Nho giáo.

Con đường thứ hai này làm cho người Việt dễ tiếp nhận lễ giáo Nho gia hơn, không còn xem nó như công cụ thống trị về mặt tinh thần của kẻ thù đối với nhân dân ta. Thậm chí, nhiều người còn xem đây như một công cụ cần thiết đối với mỗi người và đối với dân tộc trong quá trình trưởng thành, phát triển. Không ít người Việt đã vận dụng được tri thức Nho học để tập hợp, đoàn kết nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa chống lại kẻ thù xâm lược, vận dụng Nho học vào việc kiến tạo và chỉ đạo hoạt động của bộ máy Nhà

nước phong kiến sau này, trong việc đào tạo và phát triển nhân tài, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc...

Rõ ràng, sự du nhập của Nho giáo và tư tưởng *Lễ trị* của nó ở thời kỳ Bắc thuộc vào nước ta là bằng những phương thức khác nhau với những mục đích ít nhiều khác nhau. Song nhìn chung, tư tưởng *Lễ* và *Lễ trị* ở thời kỳ này chưa có nhiều ảnh hưởng đến đời sống xã hội và con người Việt Nam, có chăng chỉ là ở tầng lớp trên của xã hội và chỉ nơi nào ở Việt Nam có chính quyền phong kiến phương Bắc xâm lược, kiểm soát.

2.2. Ảnh hưởng của tư tưởng Lễ và Lễ trị dưới thời Ngô, Đinh, Tiền Lê

Sau đại thắng quân Nam Hán vào năm 938, Ngô Quyền bắt tay vào việc xây dựng nền móng của một nhà nước phong kiến tự chủ. Bộ máy quyền lực được tổ chức theo nguyên tắc Nho giáo với tư tưởng chính trị dựa trên mệnh trời và đề cao uy quyền của vua. Mặc dù vậy, dưới thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Nho giáo nhìn chung chưa có điều kiện thuận lợi để phát triển và ảnh hưởng của nó đến tư tưởng chính trị, xã hội và con người Việt Nam là không đáng kể. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt Sử thông giám cương mục*, Nho giáo thời kỳ này tồn tại cùng với Phật giáo và Đạo giáo, trong đó Phật giáo có địa vị hơn cả. Nho giáo hiện diện trong sinh hoạt văn hóa của người Việt dưới nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu thông qua việc truyền bá chữ nho. Tuy nhiên, công việc này không phải do các nho sĩ trực tiếp làm, mà do các nhà sư đảm nhiệm. Lý giải điều này có khá nhiều phương án, song điều được nhiều người tán thành, đó là tinh thần dân tộc sau chiến thắng quân Nam Hán xâm lược, đã thúc đẩy người đứng đầu đất nước không hoan nghênh học thuyết chính trị – xã hội vốn được sử dụng vào lĩnh vực cai trị thuộc địa đối với nước ta hơn ngàn năm.

Khác với các triều đại phong kiến Việt Nam sau này, vị thế và vai trò của Nho giáo ở thời kỳ này hết sức mờ nhạt. *Đại Việt sử ký toàn thư* có nhắc nhiều tới những hành động vi phạm những chuẩn mực đạo đức, những nguyên tắc lễ nghĩa của Nho gia, thậm chí còn xảy ra ngay ở chốn cung đình. Như dưới triều Ngô, có Dương Tam Kha là bề tôi ở cung đình nhưng đui con đích của vua để cướp ngôi; triều Đinh thì có những biện pháp cai trị hết sức tàn bạo đối với dân thường và kẻ đối nghịch như “đặt vạc dầu lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ ở trong cũi, ra lệnh rằng: Người nào trái phép sẽ phải chịu tội bỏ vạc nấu hay cho hổ ăn” [3], hay việc Đinh Tiên Hoàng bỏ con trưởng lập con thứ làm thái tử...; thời Tiền Lê thì anh em giết hại lẫn nhau, đó là những việc làm hết sức trái đạo, vi phạm nguyên tắc “chính danh định phận” (gọi đúng chức danh, giữ đúng phận vị) của Nho gia.

Sở dĩ thời kỳ này tư tưởng *Lễ trị* của Nho giáo chưa có được vị thế vai trò đáng kể trong đường lối trị nước của giai cấp thống trị là bởi: Trong khoảng thời gian 938 – 1009 ở nước ta thường xảy ra các cuộc nội chiến, thêm vào đó là nguy cơ xâm lược từ bên

ngoài luôn rình rập, đe dọa. Bởi vậy, để đối phó với các cuộc nội chiến và nguy cơ xâm lược từ bên ngoài thì các triều đại bấy giờ chủ yếu tập trung cho kinh tế, quốc phòng, coi đó là nhiệm vụ trực tiếp và cấp bách hơn cả. Cho nên Nho giáo cùng với những trật tự, lễ chế của nó chưa được củng cố và chưa có điều kiện phát triển. Mặt khác, dưới các thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, nho sĩ tuy đã có nhưng chưa nhiều, trong giới tri thức chủ yếu là các nhà sư, các vị vua lại chủ yếu đều xuất thân võ tướng, không phải là tri thức Nho học, do vậy chưa nhận thức được vai trò của Nho giáo và tư tưởng Lễ trị trong việc trị nước, an dân. Một lí do nữa là, ngay ở thời kì Bắc thuộc thì Phật giáo đã có ưu thế hơn hẳn Nho giáo, trong khi Nho giáo chủ yếu chỉ mới dừng lại ở tầng lớp trên thì Phật giáo đã thâm nhập vào quần chúng nhân dân ở mọi miền đất nước. Những lí do trên cho thấy, ở ba triều đại này chưa có môi trường chính trị cho tư tưởng Lễ trị của Nho giáo phát triển.

2.3. Ảnh hưởng của tư tưởng Lễ và Lễ trị dưới thời Lý - Trần - Hồ

Bước sang thế kỷ XI, khi vương triều Lý được xác lập, việc củng cố chế độ phong kiến và phát triển văn hóa phục vụ cho chế độ phong kiến trở thành một yêu cầu cấp bách, thì giai cấp phong kiến đề cao Nho giáo và sử dụng Nho giáo như một vũ khí hữu hiệu trên lĩnh vực chính trị, văn hóa và tư tưởng. Như vậy, Nho giáo đã bám vào những yêu cầu của xã hội và của nhà nước phong kiến mà vươn lên. Đến đầu thế kỷ XIV, Nho giáo đã chiếm ưu thế trong cung đình và đi sâu vào sinh hoạt tinh thần của nước Đại Việt trên nhiều mặt.

Ngay trong buổi đầu đất nước giành được độc lập, Nho giáo đã sớm có mặt trên vũ đài chính trị tư tưởng ở nước ta. Biểu hiện rõ rệt nhất chính là sự hiện diện của Nho giáo trong bài “Chiếu dời đô” của Lý Thái Tổ và bài thơ thần “Nam quốc sơn hà”. Đến đây Nho giáo đã có môi trường chính trị cần thiết để phát triển. Nhu cầu phát triển thể chế, phát triển triều đình phong kiến đời Lý đã tạo ra cơ hội lớn, một cánh cửa cho Nho giáo. Tuy nhiên, điều đó chỉ xảy ra sau 60 năm trị vì của nhà Lý, tức là vào những năm 70 của thế kỷ XI với một loạt các sự kiện chấn hưng Nho học. Nho giáo nhờ đó dần dần chiếm lĩnh địa hạt chính trị, góp phần vào xây dựng, củng cố chế độ phong kiến trung ương tập quyền, mặc dù mô hình và cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước dường như mô phỏng phương Bắc, song tính độc lập tự chủ luôn được chú trọng.

Sang thời Trần, tư tưởng Lễ trị của Nho giáo mới chính thức được khẳng định vị trí trong đường lối trị nước của các vua quan nhà Trần. Nhà Trần đặt ra khát vọng xây dựng một xã hội theo phương châm “tu, tề, trị, bình” và những quy tắc đạo đức để chấn chỉnh cái xã hội hiện thực khuôn theo lí tưởng của nhà Nho. Trần Thái Tông vị vua mở đầu triều Trần, đã thể hiện rõ quan điểm của mình đối với Nho giáo. Nhà vua đã từng viết trong bài tựa sách “Thiên tông chỉ nam” rằng : “Đặt mục thước cho hậu thế; làm khuôn

mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh”[4]. Điều này cho thấy, nhà Trần chủ trương sử dụng tư tưởng *Lễ trị* của Nho giáo, thể hiện ở khái niệm “mực thước”, “khuôn mẫu” để điều hành một quốc gia, hoạch định đường lối, quy định các chế độ trong triều đình hay ngoài xã hội, sắp đặt các tôn ti, trật tự xã hội.

Nho giáo cho rằng nhà cầm quyền muốn dùng *Lễ* để sai khiến bề tôi thì cần phải có đức Nhân, bởi lẽ “không có nhân thì không thể dùng lễ”. Cho nên nhà vua phải tu thân, sửa đức để làm gương và giáo hóa mọi người. Nói cách khác, nhà vua phải nỗ lực trong việc “tu kỷ” để xây dựng những quan hệ đạo đức cho toàn thể xã hội, tức “trị nhân”. Một trong những biểu hiện rõ nét cho chủ trương *Lễ trị* ở thời Trần là các vị vua nhà Trần rất quan tâm tới việc tu thân, sửa đức. Bởi vì, đức sáng của nhà vua là điều kiện tiên quyết làm cho đất nước được thịnh trị.

Từ giữa thời Trần, tư tưởng về *Lễ* của Nho giáo ngày càng chiếm lĩnh, lấn át văn hóa dân tộc. Chính vua Trần Nghệ Tông cũng đã nói: “Triều trước dựng nước, tự có pháp độ, không theo chế độ nhà Tống là vì Nam Bắc đều chủ nước mình không phải nói nhau. Khoảng Nam đại trị, kẻ học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý sâu xa của sự lập pháp, đem phép cũ của tổ tông thay đổi theo tục của phương Bắc cả, như về y phục, nhạc chương không thể kể hết” [5]. Xu thế phát triển của lịch sử đã nghiêng về lễ giáo của Nho gia. Nhà Trần đã thể hiện lý tưởng xây dựng một chế độ phong kiến thái bình thịnh trị và thống nhất, trong đó có “vua sáng tôi lành” cùng nhau “đồng tâm hiệp đức” để trị nước yên dân.

Đến thời nhà Hồ – Hồ Quý Ly tỏ ra là một nhà Nho cấp tiến, ông không tôn sùng Tống Nho một cách mù quáng, mà tìm cách giải thích Nho giáo theo quan điểm của riêng mình, đồng thời kiến giải tư tưởng của Tiên Nho theo nhu cầu thực tiễn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Để tăng cường sức mạnh cho nhà nước quân chủ tập quyền, Hồ Quý Ly có ý thức “Nho giáo hóa” đời sống xã hội và trọng dụng các nho sĩ có tài, kể cả tầng lớp dưới. Theo GS Trần Văn Giàu “dưới thời nhà Hồ, Nho giáo được nhà nước khuyến khích mạnh mẽ hơn bất cứ lúc nào trước đó. Điều chắc chắn là đến nhà Hồ, Nho giáo đã chiếm ưu thế tuyệt đối trong bộ máy nhà nước”[6].

Thời kỳ Bắc thuộc, chính quyền đô hộ đã ra sức truyền bá “lễ nghĩa” để thuần phục nhân dân ta nhằm dễ bề cai trị. Thời kỳ độc lập, với quãng thời gian gần 400 năm, các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê không chú trọng đến Nho học và Nho giáo. Thế kỷ XI, vào thời nhà Lý Nho học được chú trọng qua các sự kiện làm Văn Miếu, mở khoa thi Minh kinh bác học và Nho học Tam trường, mở Quốc Tử giám. Phật giáo vốn được đề cao trong đời sống tinh thần của xã hội thời nhà Lý, song giáo lí của nó dường như vắng bóng các vấn đề xã hội, sứ mệnh của Phật giáo lúc này chỉ tập trung vào vấn đề giải thoát, cứu khổ cho con người mà không liên quan gì tới các vấn đề chính trị – xã hội. Điều đó đưa

nhà Lý đến sự lựa chọn Nho giáo làm công cụ quản lý nhà nước. Sang thời Trần, việc tổ chức thi cử để lựa chọn nhân tài được diễn ra thường xuyên và Nho học vì thế càng có điều kiện phát triển, làm cho Nho giáo từng bước chiếm lĩnh và xác lập vị trí của nó trên lĩnh vực chính trường.

Trong tư tưởng đức trị của Nho giáo, ba phạm trù đạo đức (Nhân, Lễ, Chính danh), như chúng tôi đã đề cập ở trên, luôn gắn bó mật thiết, bổ sung cho nhau thành một chỉnh thể thống nhất, trong đó, *Nhân* là cơ sở nền tảng, *Lễ* là sự xã hội hóa nhân cách con người từ bên ngoài, đồng thời là nguyên tắc ứng xử cả chiều rộng lẫn chiều sâu của các mối quan hệ chính trị – xã hội, còn *Chính danh* là phương pháp để thực hiện Đức trị. Do đó, sự tăng cường hoạt động chiếm lĩnh địa hạt chính trị của Nho giáo dưới thời Lý – Trần – Hồ là tiền đề quan trọng để nhà Lê sơ tin dùng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như thiết lập vương triều và xây dựng quốc gia độc lập.

2.4. Ảnh hưởng của tư tưởng Lễ và Lễ trị thời Lê sơ

Nho giáo Việt Nam nói chung và tư tưởng Lễ trị của Nho giáo nói riêng chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong đường lối trị nước ở thời Lê sơ và thịnh đạt vào thời Lê Thánh Tông, gốc rễ sâu xa đều xuất phát từ những nhu cầu xã hội nước ta lúc bấy giờ. Những nhu cầu này không chỉ tồn tại ở thế kỷ XV (khi vương triều Lê được thành lập) mà đã sớm xuất hiện từ trước ngay khi Nho giáo còn đang trên đà phát triển. Trong đó, nguyên nhân về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng là những yếu tố then chốt trong việc đưa các tư tưởng Lễ trị của Nho giáo ảnh hưởng sâu rộng dưới thời Lê sơ.

Sau khi giành được quyền tự chủ, cùng với việc xây dựng vương triều, các vị vua đầu triều Lê sơ đặc biệt chú trọng khôi phục và đẩy mạnh phát triển kinh tế. Cũng giống như các triều đại phong kiến trước đó, xã hội Đại Việt dưới thời Lê sơ chủ yếu dựa vào cơ sở kinh tế nông nghiệp lúa nước vốn có từ lâu đời. Bởi vậy, nhà Lê sơ đã có những chính sách nhằm củng cố và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp như: thực hiện chính sách cải cách ruộng đất, chăm lo tu bổ đê điều, bảo vệ trâu bò... thể hiện ở việc ban hành chiếu khuyến nông. Chính sách trên có tác dụng tích cực trong việc duy trì sản xuất nông nghiệp, bảo đảm đời sống của nhân dân, duy trì sự ổn định của xã hội nông nghiệp và củng cố chế độ đẳng cấp phong kiến, củng cố quyền lực kinh tế của chính quyền trung ương. Đây chính là cơ sở kinh tế để tư tưởng Lễ trị của Nho giáo chiếm vị trí nhất định trong đường lối trị nước của nhà Lê sơ, đồng thời chi phối các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội.

Chính sách kinh tế của nhà Lê sơ một mặt đã gắn chặt đời sống kinh tế của các hộ gia đình vào chính quyền trung ương, mặt khác đem đến không gian sinh hoạt văn hóa gia đình – làng xã rất phổ biến ở xã hội Việt Nam xưa và nay. Về phát triển kinh tế, việc sản xuất nông nghiệp mang tính thủ công không thể tách rời đơn vị hộ gia đình. Mỗi gia

đình là một mắt xích quan trọng trong sự ổn định và phát triển của xã hội. Trong Nho giáo, không tồn tại con người cá nhân, con người tách rời khỏi cộng đồng. Nhà Lê sơ ngay từ buổi đầu đã hướng đến củng cố các hành vi ứng xử và quy tắc giao tiếp đối với mỗi thành viên trong gia đình, làng xã. Những mối quan hệ và những quy tắc ứng xử được định danh cụ thể từ: cha – con, vợ – chồng, anh – em, vua – tôi, bạn – bè. Trong gia đình, mỗi quan hệ được thiết lập bằng chế độ tông pháp và chế độ gia trưởng. Nho giáo và các tư tưởng Lễ trị của Nho giáo đã phát huy sức mạnh trong việc củng cố vị trí, quyền lực của người đứng đầu gia đình. Xây dựng nên tôn ti trật tự của gia đình, dòng tộc. Trong quan hệ làng xã, với tính chất phong phú về địa bàn cư trú, văn hóa, tín ngưỡng... vẫn không thể ngăn được sự xâm nhập, ảnh hưởng của Nho giáo vào đời sống nhân dân. Nho giáo và các tư tưởng Lễ trị của Nho giáo đã phát huy tác dụng bằng các yêu cầu về các quy chuẩn đạo đức mà mỗi thành viên trong xã hội có nhiệm vụ phải thực hiện và được bảo trợ đắc lực bởi hệ thống pháp luật của chính quyền trung ương nổi bật như: lòng trung của vua tôi, trên dưới; phải biết giữ lễ và trọng chữ tín... Xét ở góc độ gia đình: “Tư tưởng Nho giáo bảo vệ sự liên kết gia đình, dòng họ, xung quanh một triều đình và giữ gìn sự phân chia đẳng cấp xã hội phức tạp theo danh phận. Nhưng nó biết dung hợp sự phân chia liên kết này trên nền tảng đạo đức, luân lý và chính trị *trên cơ sở quan niệm và hoạt động lễ và pháp hòa lẫn vào nhau* được thần thánh hóa là trung và hiếu, tam cương phục vụ cho yêu cầu giai cấp thống trị phong kiến” [7]. Xét ở góc độ làng xã: đây nơi bảo tồn các nguồn thu về sưu thuế, binh dịch, quan lại cho nhà nước. Chính khát vọng xây dựng một đất nước thống nhất, thịnh trị; một chính quyền tập trung và một xã hội có trật tự của nhà nước phong kiến đã khiến Nho giáo với tư tưởng “Lễ trị” trở thành trợ thủ đắc lực cho các mục đích chính trị của triều đình, điển hình nhất là việc đưa vào hương ước các điều khoản về tôn ti trật tự Nho giáo.

Nếu thời đại Lý – Trần Phật giáo vẫn có một vai trò quan trọng, ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần của nhân dân, thì sang đến vương triều Lê sơ, Nho giáo lúc này đã chiếm vị trí độc tôn. Những người đỗ đạt trong các kì thi được tuyển lựa liên tục và được giao phó các chức vị quan trọng trong chính quyền trung ương. Việc đưa Nho giáo phát triển nở rộ ở triều đại nhà Lê sơ đã thể hiện khát vọng củng cố vị trí và quyền lực của nhà Lê ngay từ buổi đầu được xác lập. Tư tưởng “Lễ trị” của Nho giáo với những kinh nghiệm, nguyên tắc trong việc tổ chức bộ máy Nhà nước ở các triều đại phong kiến tập quyền phương Bắc đã trở thành cơ sở lí luận của triều đại nhà Lê. Tư tưởng Lễ trị của Nho giáo đã đáp ứng được các vấn đề cấp thiết như: quân quyền, quy định các điển chương lễ chế và cơ cấu hành chính từ triều đình đến địa phương. Từ thế kỷ XV, Nho giáo ngày càng được giai cấp phong kiến Việt Nam trọng dụng và dần dần chiếm vị trí

độc tôn, nhất là sau khi Lê Lợi lên ngôi vua, mở ra một thời kỳ mới của xã hội phong kiến Việt Nam.

Những chính sách nhằm kiện toàn bộ máy nhà nước và củng cố địa vị, quyền lực tối thượng của vua đã được nhà Lê sơ thực thi trên cơ sở độc tôn Nho giáo như: từ bỏ chính sách khoan dung tam giáo trên lĩnh vực tư tưởng, ban hành các đạo luật nhằm hạn chế Phật giáo phát triển, Đạo giáo và Phật giáo chỉ còn thấy ở một số sinh hoạt văn hóa làng xã. Đặc biệt vào thời Lê Thánh Tông, Nho giáo được tôn vinh, đề cao trong mọi mặt đời sống xã hội cũng như các chính sách kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... Tư tưởng Lễ trị của Nho giáo thời kỳ này còn được giai cấp phong kiến lấy làm công cụ thống trị về tinh thần, làm nền tảng luân lý và đạo đức để củng cố trật tự kỷ cương của xã hội và giáo hóa con người. Các vua nhà Lê sơ đã đưa ra nhiều chiếu, dụ, lệnh, huấn điều...(như vua Lê Thánh Tông ban bố trong cả nước “*Hai tư điều giáo hóa*”, ban hành “*Quốc triều hình luật*” nhằm củng cố và tuyên truyền những nguyên tắc cơ bản về đạo đức và lễ giáo đạo nho.

Tư tưởng Lễ trị của Nho giáo được biểu hiện sinh động và có sức ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tinh thần của nhân dân dưới thời Lê sơ phải kể đến chính sách phát triển văn hóa và giáo dục. Dưới thời nhà Lê, đội ngũ Nho học đông đảo, việc truyền bá Nho giáo không chỉ được đội ngũ Nho sĩ ý thức phát triển, ngay cả những người không ra làm quan, nhưng vẫn luôn có tư tưởng “kinh bang tế thế, trị nước cứu đời” góp phần truyền bá, hòa trộn các lễ nghi Nho giáo trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Điều đó cho thấy nhà Lê sơ đã đưa Nho giáo và các tư tưởng Lễ trị của nó trở thành đường hướng chính yếu trong phát triển trong chính sách văn hóa, giáo dục, chính trị. Biểu hiện rõ nhất dưới thời Lê Thánh Tông với các khoa cử được tổ chức đều đặn, xuyên suốt, việc tuyển lựa và trọng dụng nhân tài theo quy chế của Nho giáo rất được coi trọng.

Sự phát triển vững mạnh của triều đại Lê sơ cùng khát vọng đưa đất nước phát triển xứng tầm với các nước phương Bắc đã khiến nhà Lê sơ chủ động tiếp thu và phát triển những thể chế, lễ nghi của phương Bắc. Dưới thời các vua nhà Lê sơ, không chỉ Phật giáo hay Đạo giáo bị hạn chế, ngay cả những yếu tố văn hóa dân gian, những lễ nghi từ thời Đại Việt Lý – Trần cũng bị đánh giá không hợp Lễ. Đây cũng là điểm hạn chế dẫn tới việc đề cao, coi trọng quá mức các giá trị văn hóa Nho giáo du nhập từ phương Bắc của nhà Lê sơ. Tuy nhiên, xét ở góc độ phát triển và công lao trong việc truyền bá tư tưởng Lễ trị của Nho giáo thì nhà Lê sơ đã có công rất lớn. Sự nhất quán và quyết liệt trong việc đề cao đạo Nho của nhà Lê sơ đều xuất phát từ khát vọng nâng tầm vị thế của một dân tộc, thể hiện tầm nhìn, lòng tự hào, tự tôn dân tộc của các vị vua nhà Lê sơ. Đây cũng là cơ sở để Nho giáo và các tư tưởng Lễ trị không còn là một học thuyết chính trị phục vụ cho các mục đích của triều đình, nó đã trở thành nét văn hóa dân tộc, thể hiện sinh động trong đời sống tinh thần, tình cảm của mọi tầng lớp nhân dân.

Việc vận dụng và nương vào tư tưởng Lễ trị của nhà Lê sơ đã đưa triều đại đến với sự thống nhất về quyền lực chính trị, tạo tiền đề cho sự thống nhất hệ thống tư tưởng trong xã hội. Lịch sử đã chứng minh dưới thời Lê Thánh Tông, đất nước ta phát triển hùng mạnh và thịnh vượng bậc nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam. Đây cũng là thời kì đất nước ta đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Tuy cách thức tổ chức nhà nước và xã hội theo tư tưởng Nho giáo phong kiến Trung Quốc đã tạo ra những hạn chế; đặc biệt là sự phát triển của xã hội ngày một đề cao tính cá nhân, tiếng nói tự do, dân chủ thì Nho giáo đã trở thành những rào cản, gò bó, áp đặt lên đời sống tinh thần con người; nhưng nhìn lại sự phát triển thịnh vượng của một triều đại Lê sơ dưới thời phong kiến, chúng ta phải thừa nhận sự vận dụng linh hoạt, mềm dẻo, khéo léo của nhà Lê vào thực tiễn đất nước ta thời bấy giờ. Các vị vua thời Lê sơ đã cởi mở, sáng tạo khi xây dựng các quy tắc, lễ nghi của đạo Nho phù hợp với điều kiện đất nước, nguyện vọng của nhân dân, vừa giúp nhà Lê sơ thâm tóm, củng cố quyền lực vừa tạo ra một xã hội ổn định, có tôn ti trật tự, thái bình và thịnh trị.

2.5. Ảnh hưởng của tư tưởng Lễ và Lễ trị thời nhà Nguyễn

Nhà Nguyễn trước khi thực dân Pháp xâm lược, triều đại phong kiến đã lâm vào suy thoái, nhưng về hình thức, đây là triều đại đề cao đường lối Lễ trị hơn so với các triều đại phong kiến Việt Nam trước đó. Nhà Nguyễn muốn phục hồi chế độ phong kiến, nhanh chóng ổn định trật tự, kỷ cương của xã hội. Ngay sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã thi hành triệt để đường lối Lễ trị, vận dụng các yếu tố của Hán Nho, Tống Nho như: nguyên tắc Tam Cương, Ngũ thường, nguyên tắc Chính danh, tôn quân quyền..., nhằm duy trì sự tồn tại vĩnh viễn của nền quân chủ chuyên chế cực quyền.

Để củng cố vương quyền, nhà Nguyễn coi “Chính danh” là công cụ, biện pháp chủ yếu để đạt được mục đích này. Vua Gia Long nói với bề tôi: “Chính danh là việc đầu của chính trị”[8]. Với triều Nguyễn, “Chính danh” còn là phương tiện hiệu quả để ổn định xã hội, trật tự, kỷ cương của xã hội phong kiến. Trong các chuẩn mực đạo đức, nhà Nguyễn đặc biệt đề cao đức Hiếu, Trung, Lễ. Với vua triều Nguyễn, ba đức là phương tiện chủ yếu để bảo vệ địa vị, duy trì chế độ phong kiến và trị nước, an dân, khuôn mẫu trong việc tề gia, trị quốc. Vua Gia Long khẳng định: “Trăm chăm nuôi nhân dân, muốn trị dân bằng đạo hiếu”[9]. Đề đề cao đức Trung, các vua nhà Nguyễn đã nhiều lần thưởng công lớn cho bề tôi, những người thể hiện được sự tận trung với vua. Trong mối quan hệ giữa Hiếu và Trung nhà Nguyễn luôn coi hiếu gắn với trung, hiếu phải vì trung, đúng như lời của vua Gia Long “Đem lòng hiếu để thờ vua, cho nên muốn cầu tôi trung phải tìm ở nhà con hiếu (887). Các vua nhà Nguyễn cũng dùng Lễ với tất cả tính chất khắc nghiệt của nó, trở thành một trong những biện pháp hiệu quả nhất để trói buộc con người vào trật tự, khuôn khổ của chế độ phong kiến. Để triển khai đường lối Lễ trị trong cuộc sống, nhà Nguyễn

đã luật hóa nhiều chuẩn mực, quy phạm đạo đức của Nho giáo trong *Hoàng triều luật lệ* – bộ luật ban hành dưới triều vua Gia Long. Mặc dù nhà Nguyễn nỗ lực dựa vào Lễ trị để cứu vãn địa vị thống trị của mình, song, tư tưởng Lễ trị của Nho giáo lúc này đã ngày càng bộc lộ nhiều nhiều tính chất giáo điều, bảo thủ của nó. Hệ quả tất yếu dẫn đến, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhà Nguyễn đã để mất nước vào tay quân xâm lược. Đường lối Lễ trị mà nhà Nguyễn thi hành đã thể hiện sự bất lực của nó. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của đường lối Lễ trị là, triều Nguyễn ngay từ đầu, khi triển khai đường lối Lễ trị đã làm mất đi tính chất tiến bộ của nó. Lễ trị dưới triều Nguyễn đã trở nên cứng nhắc, giáo điều và bảo thủ. Điều này cũng góp một phần làm cho chế độ phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn đã chấm dứt vai trò lịch sử của mình.

3. KẾT LUẬN

Những nỗ lực trong việc truyền bá tư tưởng Lễ trị của Nho giáo dù được sử dụng như một công cụ cai trị hay được các triều đại phong kiến Việt Nam “khai thác” cho các mục đích chính trị...cũng không thể phủ nhận những tác động to lớn của nó tới đời sống nhân dân ta từ xưa tới nay. Tư tưởng *Lễ trị* của Nho giáo đã góp phần tạo lập và duy trì sự ổn định lâu dài của xã hội phong kiến Việt Nam. Lễ trị giúp định hướng cho con người không ngừng tu dưỡng đạo đức để hòa nhập với cộng đồng trong việc thực hiện các mục đích chung. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, tư tưởng *Lễ trị* của Nho giáo cũng khó tránh khỏi tính chất gò bó, khiến cưỡng, áp đặt lên mọi mặt đời sống của mỗi con người. Với tinh thần “từ truyền thống đến hiện đại”, chúng ta cần tiếp nhận có chọn lọc và khắc phục những hạn chế, tiêu cực trong tư tưởng *Lễ trị* của Nho giáo để đưa đất nước ta trở thành một nước văn minh và hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Triết học (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, HN Hà Nội, tr.358.
2. Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Thị Hồng Hà (2010), *Nho giáo - đạo học trên đất kinh kỳ*, NXB Thời đại, HN Hà Nội, tr.44.
3. Ngô Sĩ Liên (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.127 (Kỷ nhà Đinh).
4. *Tổng tập văn học Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, HN Hà Nội, 1994, tập 18, tr.28
5. Ngô Sĩ Liên (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.393-394
6. Trần Văn Giàu (1993), *Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử*, Nxb Thành phố HCM, tr. 71.

7. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.250-251.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.908.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.678.

IMMIGRATION OF CONFUCIANISM'S IMAGINATION AND RITUALISM INTO VIETNAM

Tran Thi Thuy, Ho Ngoc Dang

Abstract: *The article presents an overview of the process of importing Confucian ritual thought into Vietnam from the Northern domination period to the early Le Dynasty; on that basis, it explains the reason why Confucianism, along with Confucian rites of law, can take root, be ingrained in the Vietnamese feudal society and leave many cultural imprints in the spiritual life of the people today.*

Keywords: *Thought, Ceremony, Ritual, Confucianism, Vietnamese Confucianism*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 09-3-2023; ngày phản biện đánh giá: 23-3-2023; ngày chấp nhận đăng: 07-4-2023)